

Số: **1659/QĐ-UBND**

Trà Vinh, ngày **15** tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phân công nhiệm vụ các sở, ban, ngành tỉnh phụ trách hướng dẫn, hỗ trợ địa phương thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc các Bộ tiêu chí: Xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu; huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 20/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1417/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 401/TTr-SNN ngày 02/8/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân công nhiệm vụ các sở, ban, ngành tỉnh phụ trách hướng dẫn, hỗ trợ địa phương thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc các Bộ tiêu chí: Xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu, huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 (Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Các sở, ban, ngành tỉnh có trách nhiệm

1. Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương, căn cứ chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực được phân công chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan xây dựng hướng dẫn thực hiện cụ thể các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc các Bộ tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025.

2. Xây dựng kế hoạch hỗ trợ các địa phương triển khai thực hiện các tiêu chí được phân công, đảm bảo đạt chỉ tiêu theo kế hoạch hàng năm, thẩm định kết quả thực hiện và xác nhận các tiêu chí đã đạt theo quy định.

3. Điều chỉnh, bổ sung, lồng ghép các chương trình, dự án thuộc phạm vi quản lý của ngành, đơn vị gắn với xây dựng nông thôn mới theo các Bộ tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025.

4. Định kỳ hàng quý, năm và đột xuất khi có yêu cầu, báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh).

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- BTT. UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- TVBCĐ các CTMTQG và Phong trào TĐĐKXDĐSVH tỉnh TV gđ 2021 - 2025;
- BTV: Hội LHPN tỉnh, Hội ND tỉnh, Hội CCB tỉnh và Tỉnh đoàn;
- VPĐP NTM tỉnh;
- LĐVP. UBND tỉnh;
- Các phòng NC;
- Lưu: VT, NN. 02



Nguyễn Trung Hoàng

Phụ lục I
PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CÁC SỞ, BAN, NGÀNH TỈNH
PHỤ TRÁCH HƯỚNG DẪN, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ
XÃ NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH
GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định số: **1659/QĐ-UBND** ngày **15/8/2022** của
 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn hỗ trợ thực hiện	Đơn vị xác nhận tiêu chí
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021 - 2025 (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Xây dựng
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt			
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100%	Sở Giao thông vận tải	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Giao thông vận tải
		2.2. Tỷ lệ đường ấp và đường liên ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	≥90%			
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm	100% sạch và không lầy lội vào mùa mưa, trong đó có 70% cứng hóa			
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	≥60%			
3	Thủy lợi và phòng, chống	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ	80%	Sở Nông nghiệp và	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa	Sở Nông nghiệp và

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn hỗ trợ thực hiện	Đơn vị xác nhận tiêu chí
	thiên tai	80% trở lên. Riêng đối với vùng sản xuất tập trung đạt 100%			PTNT	phương có liên quan	PTNT
		3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ		Đạt			
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn		Đạt	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Công Thương
		4.2. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn		$\geq 98\%$			
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định	Các xã có hơn 3 trường	100% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu, trong đó $\geq 70\%$ đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Giáo dục và Đào tạo
			Các xã có từ 3 trường trở xuống	100% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu, trong đó $\geq 50\%$ đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1			
6	Cơ sở vật chất văn hoá	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã		Đạt	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định		Đạt			
		6.3. Tỷ lệ ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa,		100%			

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn hỗ trợ thực hiện	Đơn vị xác nhận tiêu chí
		thể thao phục vụ cộng đồng				
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn theo quy hoạch hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa (nơi mua bán, trao đổi hàng hóa: Tổng diện tích từ 1000 m ² trở lên và có các bộ phận phụ trợ như nhà vệ sinh, nơi đậu xe đảm bảo trật tự an toàn, sử dụng nước hợp vệ sinh, thu gom và xử lý nước thải, hệ thống thoát nước, thiết bị PCCC và có Ban quản lý chợ). Riêng các chợ hiện có trên địa bàn các xã có diện tích chợ dưới 1000 m ² nhưng đảm bảo đầy đủ các công trình phụ trợ thì vẫn xem xét, công nhận đạt tiêu chí.	Đạt	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Công Thương
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	Đạt	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Thông tin và Truyền thông
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet	Đạt			
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các ấp	Đạt			
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	Đạt			
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không	Sở Xây dựng	- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội - Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Xây dựng
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	≥80%			
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người), cụ thể: - Năm 2021: ≥50 triệu đồng/người/năm;	Đạt mức quy định hàng năm	Cục Thống kê	- Sở Nông nghiệp và PTNT - Sở Khoa học và Công nghệ	Cục Thống kê

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn hỗ trợ thực hiện	Đơn vị xác nhận tiêu chí
		- Năm 2022: ≥ 53 triệu đồng/người/năm; - Năm 2023: ≥ 56 triệu đồng/người/năm; - Năm 2024: ≥ 59 triệu đồng/người/năm; - Năm 2025: ≥ 62 triệu đồng/người/năm;			nghệ - Sở Lao động - Thương binh và Xã hội - Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025	Đạt theo mức quy định của Bộ Lao động, Thương binh và XH	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 70\%$	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Liên đoàn Lao động tỉnh	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 25\%$			
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã	Đạt	Sở Kế hoạch và Đầu tư	- Liên minh Hợp tác xã tỉnh - Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Kế hoạch và Đầu tư
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt			
		13.3. Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương	≥ 01 sản phẩm chủ lực được thực hiện truy xuất nguồn gốc và được	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn hỗ trợ thực hiện	Đơn vị xác nhận tiêu chí	
			chứng nhận VietGAP hoặc tương đương				
		13.4. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường	Đạt	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan		
		13.5. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả	≥01	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan		
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ	Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Đạt	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Giáo dục và Đào tạo
		Đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2	Đạt				
		Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1	≥98%				
		Đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2	Đạt				
		Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2	Đạt				
		Trung tâm học tập cộng đồng được đánh giá/xếp loại	Tốt				
		14.2. Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp)	≥80%				
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥90%	Sở Y tế	- Bảo hiểm xã hội tỉnh	Sở Y tế	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn hỗ trợ thực hiện	Đơn vị xác nhận tiêu chí
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt		- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội - Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	$\leq 19\%$			
		15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	$\geq 50\%$			
16	Văn hoá	Tỷ lệ áp dụng tiêu chuẩn văn hoá theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới	$\geq 80\%$	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
17	Môi trường và An toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	$\geq 45\%$ ($\geq 30\%$ từ hệ thống cấp nước tập trung)	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Tài nguyên và Môi trường
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	$\geq 95\%$	Sở Tài nguyên và Môi trường	- Sở Nông nghiệp và PTNT - Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	
		17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung	Đạt			
		17.4. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 2\text{m}^2/\text{người}$	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Nông nghiệp và PTNT
		17.5. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Đạt	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Tài nguyên và Môi trường
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	$\geq 85\%$	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn hỗ trợ thực hiện	Đơn vị xác nhận tiêu chí
		17.7. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%		Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Y tế	
		17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	≥70%	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	
		17.9. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	≥70%	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	
		17.10. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%			
		17.11. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	≥30%	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	≥50%			
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Nội vụ
		18.2. Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt			
		18.3. Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	100%			
		18.4. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Sở Tư pháp		
		18.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo	Đạt	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn hỗ trợ thực hiện	Đơn vị xác nhận tiêu chí
		vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn thành cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội				
		18.6. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển ấp	Đạt	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	
		19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng	Đạt	Bộ Chỉ huy Quân sự	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Bộ Chỉ huy Quân sự
19	Quốc phòng và An ninh	19.2. Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giám so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Công an tỉnh

Phụ lục II
PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CÁC SỞ, BAN, NGÀNH TỈNH
PHỤ TRÁCH HƯỚNG DẪN, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ
XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH
GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định số: **1659/QĐ-UBND** ngày **15/8/2022**
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)



TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện và xác nhận tiêu chí	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn hỗ trợ thực hiện	Đơn vị xác nhận tiêu chí
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch	Đạt	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Xây dựng
		1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch	Đạt			
		1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên	Đạt			
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiều sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định	100%	Sở Giao thông vận tải	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Giao thông vận tải
		Được cứng hóa và bảo trì hàng năm	100%			
		2.2. Tỷ lệ đường áp và đường liên ấp	Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiều sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp			

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện và xác nhận tiêu chí	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn hỗ trợ thực hiện	Đơn vị xác nhận tiêu chí
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	$\geq 90\%$			
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa	$\geq 70\%$			
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	$\geq 90\%$	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Nông nghiệp và PTNT
		3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững	Đạt			
		3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước	$\geq 50\%$ diện tích cây trồng chủ lực của xã được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước			
		3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm	Đạt			
		3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi	Đạt			
		3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt loại khá trở lên			
4	Điện	Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	$\geq 99\%$	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Công Thương
5	Giáo dục	5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều	100%	Sở Giáo dục và	Các sở, ban, ngành	Sở Giáo

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện và xác nhận tiêu chí	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn hỗ trợ thực hiện	Đơn vị xác nhận tiêu chí
		cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2		Đào tạo	tỉnh và địa phương có liên quan	dục và Đào tạo
		5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Đạt			
		5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS	Mức độ 3			
		5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ	Mức độ 2			
		5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại	Khá			
		5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền	Đạt			
6	Văn hóa	6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên	Đạt	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
		6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định	Đạt			
		6.3. Tỷ lệ áp dụng tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới	≥90%			
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm	Đạt	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Công Thương
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân	Đạt	Sở Thông	Sở Công	Sở

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện và xác nhận tiêu chí	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn hỗ trợ thực hiện	Đơn vị xác nhận tiêu chí
		8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh	Vùng đồng bào dân tộc thiểu số	50%	tin và Truyền thông	Thương	Thông tin và Truyền thông
			Các xã còn lại	80%			
		8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông		Đạt			
		8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới		Đạt			
		8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...)		Đạt			
9	Nhà ở dân cư	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố		90%	Sở Xây dựng	- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội - Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Xây dựng
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người), cụ thể: - Năm 2021: ≥ 60 triệu đồng/người/năm; - Năm 2022: ≥ 64 triệu đồng/người/năm; - Năm 2023: ≥ 68 triệu đồng/người/năm; - Năm 2024: ≥ 72 triệu đồng/người/năm; - Năm 2025: ≥ 76 triệu đồng/người/năm;		Đạt mức quy định hàng năm	Cục Thống kê	- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Sở Khoa học và Công nghệ - Sở Lao động - Thương binh và	Cục Thống kê

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện và xác nhận tiêu chí	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn hỗ trợ thực hiện	Đơn vị xác nhận tiêu chí
					Xã hội - Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025	Đạt theo mức quy định do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 75\%$	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Liên đoàn Lao động tỉnh	
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 30\%$			
		12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn	$\geq 35\%$			
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định	≥ 1	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Kế hoạch và Đầu tư
		13.2. Xã có ít nhất 01 sản phẩm được công nhận đạt chuẩn OCOP từ 3 sao trở lên và còn thời hạn	≥ 1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	
		13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm	≥ 1			

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện và xác nhận tiêu chí	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn hỗ trợ thực hiện	Đơn vị xác nhận tiêu chí
		13.4. Có ít nhất 01 sản phẩm chủ lực có ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc	≥ 1			
		13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử	$\geq 10\%$			
		13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng	Đạt			
		13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội (nếu có)	Đạt			
		13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường)	≥ 1			
14	Y tế	14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 95\%$	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Y tế
		14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 90\%$			
		14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 40\%$			
		14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	$\geq 70\%$			
15	Hành chính công	15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính	Đạt	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh
		15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên	Đạt			
		15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp	Đạt			
16	Tiếp cận	16.1. Có mô hình điển hình về	≥ 1	Sở Tư pháp	Các sở,	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện và xác nhận tiêu chí	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn hỗ trợ thực hiện	Đơn vị xác nhận tiêu chí	
	pháp luật	phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận			ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Tư pháp	
		16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành	≥90%	Sở Tư pháp			
		16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu	≥90%	Sở Tư pháp			
17	Môi trường	17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường	Đạt	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Tài nguyên và Môi trường	
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%				Sở Nông nghiệp và PTNT
		17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	≥95%		Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan		
		17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	≥35%				
		17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	≥50%		Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan		
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%				
		17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường	≥80%		Sở Nông nghiệp và PTNT		Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan
		17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	≥85%				

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện và xác nhận tiêu chí	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn hỗ trợ thực hiện	Đơn vị xác nhận tiêu chí
		17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch	Đạt	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	
		17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	$\geq 10\%$			
		17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 4\text{m}^2/\text{người}$	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	$\geq 70\%$	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	
18	Chất lượng môi trường sống	18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	$\geq 55\%$	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Tài nguyên và Môi trường
		18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm	≥ 60 lít			
		18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	$\geq 40\%$			
		18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm	100%			
		18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã	Không			
		18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm	100%			

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện và xác nhận tiêu chí	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn hỗ trợ thực hiện	Đơn vị xác nhận tiêu chí
		18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch	≥80%	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	
		18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường	100%	Sở Tài nguyên và Môi trường		
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân	Đạt	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
		19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Công an tỉnh



Phụ lục III
PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CÁC SỞ, BAN, NGÀNH TỈNH
PHỤ TRÁCH HƯỚNG DẪN, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ
XÃ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH
GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định số: **1659/QĐ-UBND** ngày **15/8/2022**
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

I. ĐẠT CÁC TIÊU CHÍ SAU (TIÊU CHÍ CHUNG)

TT	Nội dung nhiệm vụ		Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn hỗ trợ thực hiện	Đơn vị xác nhận tiêu chí
	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí			
1	Tiêu chí chung	Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025; đối với các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn nâng cao giai đoạn 2018 - 2020, đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025	Các sở, ban, ngành tỉnh được phân công phụ trách tại Phụ lục II, Quyết định này	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Các sở, ban, ngành tỉnh được phân công phụ trách tại Phụ lục II, Quyết định này
2	Về thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm xét, công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu phải cao hơn từ 10% trở lên so với mức thu nhập bình quân đầu người áp dụng theo quy định đối với xã nông thôn mới nâng cao tại cùng thời điểm	Cục Thống kê tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Cục Thống kê tỉnh

II. XÃ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU PHẢI ĐẠT CÁC TIÊU CHÍ

TT	Nội dung nhiệm vụ		Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện và xác nhận tiêu chí	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn hỗ trợ thực hiện	Đơn vị xác nhận tiêu chí
	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí				

TT	Nội dung nhiệm vụ		Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện và xác nhận tiêu chí	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn hỗ trợ thực hiện	Đơn vị xác nhận tiêu chí
	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí				
1	Mô hình áp dụng thông minh	1.1 Có mô hình kinh tế được thực hiện tự động hóa từ 80% trở lên các công đoạn hoặc mô hình sản xuất nông nghiệp có hệ thống tưới tự động theo hướng tuần hoàn	Đạt	Sở Kế hoạch và Đầu tư	- Sở Nông nghiệp và PTNT - Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Thông tin và Truyền thông
		1.2 Người dân tiếp cận được thông tin (về chủ trương, chính sách, an ninh trật tự, khoa học kỹ thuật, thủ tục hành chính, hoặc tiền điện, nước,...) trên app điện thoại thông minh, Cổng thông tin điện tử tỉnh Trà Vinh, mạng xã hội chính thống	$\geq 80\%$	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	
		1.3 Ít nhất 90% hộ dân thanh toán tiền điện hoặc tiền nước không bằng tiền mặt hoặc ít nhất 80% hồ sơ được nộp trực tuyến	Đạt			
2	Sản xuất	2.1 Có mô hình liên kết chuỗi cho sản phẩm nông nghiệp chủ lực gắn với kinh tế tuần hoàn và sử dụng công nghệ cao	≥ 1	Sở Nông nghiệp và PTNT	- Liên minh Hợp tác xã tỉnh - Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Nông nghiệp và PTNT
		2.2 Ít nhất 01 Hợp tác xã nông nghiệp sử dụng nền tảng số trong quản lý và điều hành	Đạt	Sở Thông tin và Truyền thông		
		2.3 Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn ≥ 3 sao hoặc tương đương còn thời hạn	≥ 2	Sở Nông nghiệp và PTNT		

TT	Nội dung nhiệm vụ		Chi tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện và xác nhận tiêu chí	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn hỗ trợ thực hiện	Đơn vị xác nhận tiêu chí
	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí				
		2.4 Tỷ lệ sản phẩm chủ lực hoặc sản phẩm OCOP của xã được bán qua kênh thương mại điện tử	10%	Sở Công Thương		
3	Cảnh quan môi trường	3.1 Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	$\geq 96\%$	Sở Tài nguyên và Môi trường	- Sở Nông nghiệp và PTNT - Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Tài nguyên và Môi trường
		3.2 Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 6m^2/\text{người}$	Sở Nông nghiệp và PTNT		
		3.3 Có tuyến đường trồng chuyên biệt hoặc trồng kết hợp cây xanh, cây cảnh, hoa nhưng có một loại chủ đạo, đảm bảo sáng, xanh - sạch - đẹp, nổi trội	chiều dài $\geq 2km$	Sở Tài nguyên và Môi trường		
		3.4 Có mô hình phân loại, thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt và mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp	≥ 1 mô hình			
4	Chuyển đổi số	4.1 Tỷ lệ dịch vụ công đủ điều kiện được cung cấp mức độ 4	100%	Sở Thông tin và Truyền thông	- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh - Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Thông tin và Truyền thông
		4.2 Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã đạt tối thiểu 60%	Đạt			

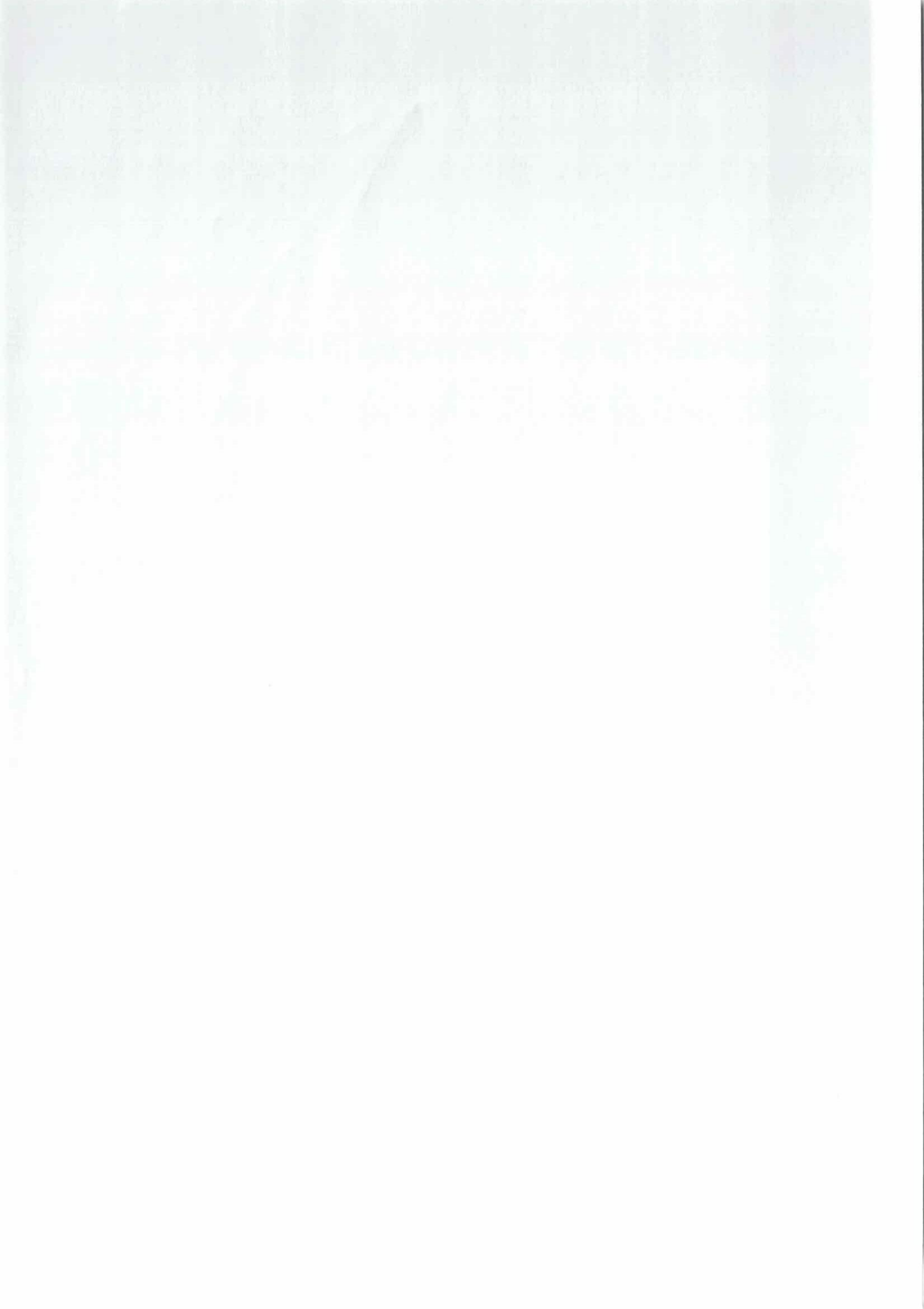
TT	Nội dung nhiệm vụ		Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện và xác nhận tiêu chí	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn hỗ trợ thực hiện	Đơn vị xác nhận tiêu chí
	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí				
		4.3 Có ít nhất 90% cán bộ/công chức/viên chức của bộ phận một cửa được đánh giá qua cổng dịch vụ công ở mức 4 và 5 (theo thang 5 mức độ: 1 = rất không hài lòng, 2 = không hài lòng, 3 = bình thường, 4 = hài lòng và 5 = rất hài lòng) về dịch vụ hành chính công điện tử	Đạt			
		4.4 Trên 90% doanh nghiệp tham gia đánh giá xác nhận mức độ chuyển đổi số trên Cổng thông tin chỉ số chuyển đổi số doanh nghiệp (dbi.gov.vn); tối thiểu 30% doanh nghiệp áp dụng ít nhất 01 nền tảng số phục vụ hoạt động, sản xuất kinh doanh	Đạt			
		4.5 Xã có Tổ công nghệ số cộng đồng	Đạt			
		4.6 Tỷ lệ các cơ sở dân sinh, kinh tế - xã hội được gắn địa chỉ số trên nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số	≥50%			

III. LỰA CHỌN THỰC HIỆN ĐẠT MỘT TRONG CÁC TIÊU CHÍ SAU

TT	Nội dung nhiệm vụ		Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn hỗ trợ thực hiện	Đơn vị xác nhận tiêu chí
	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí				
1	Giáo dục	1.1 Có mô hình giáo dục môi trường và thực hiện phân loại rác trong trường học	Đạt	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Giáo dục và Đào tạo
		1.2 Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại “khá”, trong đó chỉ tiêu về kết quả học tập thường xuyên của người lao động đạt ≥ 3 điểm	Đạt			
2	Văn hóa	2.1 Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở công cộng	100%	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
		2.2 Các giá trị văn hóa truyền thống được khai thác hiệu quả và lồng ghép vào các điểm du lịch OCOP	Đạt			
3	Du lịch	Có điểm du lịch cộng đồng đạt chuẩn OCOP cấp tỉnh và còn thời hạn	≥ 1	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Nông nghiệp và PTNT
4	An ninh trật tự	4.1 Không xảy ra tội phạm nghiêm trọng trở lên trong 3 năm liền trước khi công nhận	Đạt	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Công an tỉnh
		4.2 Không có công dân cư trú trên địa bàn	Đạt			

TT	Nội dung nhiệm vụ		Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn hỗ trợ thực hiện	Đơn vị xác nhận tiêu chí
	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí				
		phạm tội hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên, khu dân cư, các tuyến đường giao thông liên xã đến ngõ, xóm được lắp đặt camera an ninh hoạt động 24/24 và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, đạt loại khá trở lên				
5	Cảnh quan môi trường	5.1 Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	100%	Sở Tài nguyên và Môi trường	- Sở Nông nghiệp và PTNT - Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Tài nguyên và Môi trường
		5.2 Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 10\text{m}^2/\text{người}$	Sở Nông nghiệp và PTNT		
		5.3 Có tuyến đường trồng chuyên biệt hoặc trồng kết hợp cây xanh, cây cảnh, hoa nhưng có một loại chủ đạo, đảm bảo sáng, xanh - sạch - đẹp, nổi trội	chiều dài $\geq 3\text{km}$	Sở Tài nguyên và Môi trường		
		5.4 Có mô hình phân loại, thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt và mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp	≥ 2 mô hình			

TT	Nội dung nhiệm vụ		Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn hỗ trợ thực hiện	Đơn vị xác nhận tiêu chí
	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí				
6	Sản xuất	6.1 Có mô hình liên kết chuỗi cho sản phẩm nông nghiệp chủ lực gắn với kinh tế tuần hoàn và sử dụng công nghệ cao	≥ 2	Sở Nông nghiệp và PTNT	<ul style="list-style-type: none"> - Liên minh Hợp tác xã tỉnh - Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan 	Sở Nông nghiệp và PTNT
		6.2 Ít nhất 02 hợp tác xã nông nghiệp sử dụng nền tảng số trong quản lý và điều hành	Đạt	Sở Thông tin và Truyền thông		
		6.3 Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn ≥ 4 sao hoặc tương đương còn thời hạn	≥ 2	Sở Nông nghiệp và PTNT		
		6.4 Tỷ lệ sản phẩm chủ lực hoặc sản phẩm OCOP của xã được bán qua kênh thương mại điện tử	20%	Sở Công Thương		



Phụ lục IV
PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CÁC SỞ, BAN, NGÀNH TỈNH
PHỤ TRÁCH HƯỚNG DẪN, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ
HUYỆN NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH
GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định số: **1659/QĐ-UBND** ngày **15/8/2022**
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

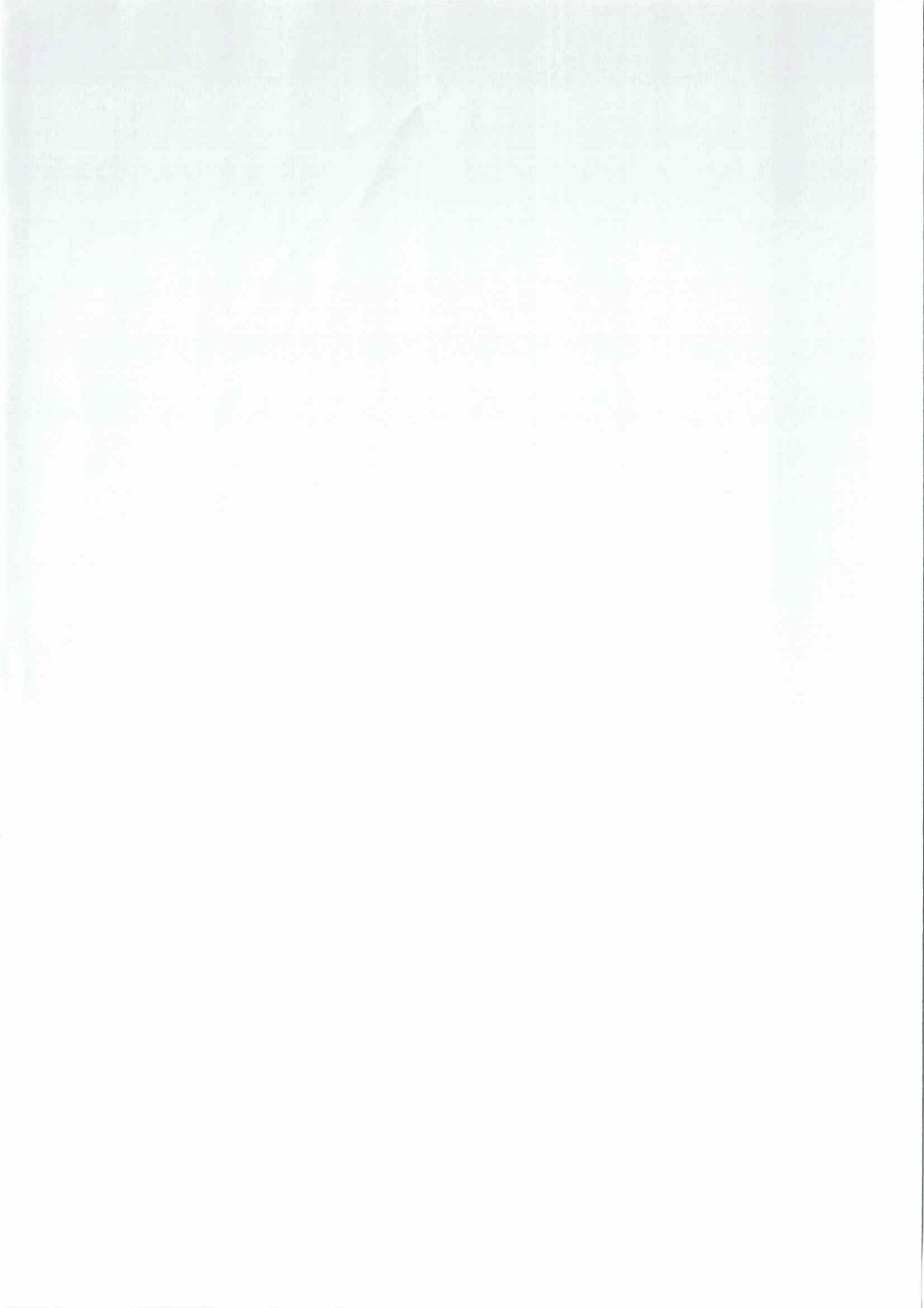
TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn thực hiện	Báo cáo kết quả thẩm tra tiêu chí
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt còn thời hạn hoặc được rà soát, điều chỉnh theo quy định, trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn	Đạt	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Xây dựng
		1.2. Có công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu hoặc hạ tầng xã hội thiết yếu được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt	≥ 01 công trình			
2	Giao thông	2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã và được bảo trì hàng năm	Đạt	Sở Giao thông vận tải	- Sở Nông nghiệp và PTNT - Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Giao thông vận tải
		2.2. Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch	100%			
		2.3. Tỷ lệ km đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến đường	$\geq 50\%$			
		2.4. Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại IV trở lên	Đạt			
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch	Đạt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương	Đạt			

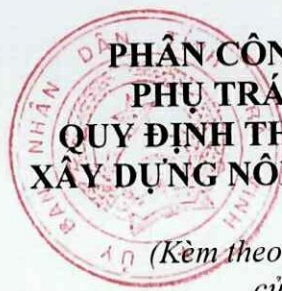
TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn thực hiện	Báo cáo kết quả thẩm tra tiêu chí
		châm 4 tại chỗ				
4	Điện	Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống	Đạt	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Công Thương
5	Y tế - Văn hóa - Giáo dục	5.1. Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn	Đạt	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Y tế
		5.2. Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã	Đạt	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
		5.3. Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên	≥60%	Sở Giáo dục và Đào tạo		Sở Giáo dục và Đào tạo
		5.4. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Cấp độ 1			
6	Kinh tế	6.1. Có khu công nghiệp, hoặc cụm công nghiệp được đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hoặc cụm ngành nghề nông thôn	Đạt	Sở Công Thương	- Sở Nông nghiệp và PTNT; - Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Công Thương
		6.2. Chợ trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm	Đạt			
		6.3. Hình thành vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực hoặc có mô hình liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực của huyện	Đạt	Sở Nông nghiệp và PTNT		Sở Nông nghiệp và PTNT
		6.4. Có Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoạt động hiệu quả	Đạt			

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn thực hiện	Báo cáo kết quả thẩm tra tiêu chí
					và địa phương có liên quan	
7	Môi trường	7.1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp $\leq 50\%$ tổng lượng phát sinh	Đạt	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Tài nguyên và Môi trường
		7.2. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	$\geq 40\%$			
		7.3. Có mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên	≥ 01 mô hình	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Nông nghiệp và PTNT
		7.4. Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp	≥ 01 công trình	Sở Tài nguyên và Môi trường	- Sở Nông nghiệp và PTNT - Sở Công Thương	Sở Tài nguyên và Môi trường
		7.5. Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, trong đó tỷ lệ đất trồng cây xanh trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp tối thiểu là 10% diện tích toàn khu	Đạt			
		7.6. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 2m^2/\text{người}$	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Nông nghiệp và PTNT
		7.7. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	$\geq 50\%$	Sở Tài nguyên và Môi trường	- Sở Xây dựng - Các sở, ban,	Sở Tài nguyên và Môi trường

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn thực hiện	Báo cáo kết quả thẩm tra tiêu chí
		7.8. Tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về bảo vệ môi trường theo quy định	100%		ngành tỉnh và địa phương có liên quan	
8	Chất lượng môi trường sống	8.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	$\geq 50\%$	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Nông nghiệp và PTNT
		8.2. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	$\geq 50\%$			
		8.3. Có kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện	Đạt	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Tài nguyên và Môi trường
		8.4. Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt			
		8.5. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	Sở Y tế	- Sở Nông nghiệp và PTNT - Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Y tế
9	Hệ thống chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công	9.1. Đảng bộ, chính quyền huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Sở Nội vụ	- Sở Nông nghiệp và PTNT, Công an tỉnh - Các sở, ban, ngành tỉnh	Sở Nội vụ
		9.2. Tổ chức chính trị - xã hội của huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	100%			

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn thực hiện	Báo cáo kết quả thẩm tra tiêu chí
		9.3. Trong 02 năm liên tục trước năm xét công nhận, không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự	Không		và địa phương có liên quan	
		9.4. Đảm bảo an ninh, trật tự	Đạt	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Công an tỉnh
		9.5. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên	Đạt	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	- Sở Thông tin và Truyền thông - Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh
		9.6. Huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Tư pháp





Phụ lục V
PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CÁC SỞ, BAN, NGÀNH TỈNH
PHỤ TRÁCH HƯỚNG DẪN, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN
QUY ĐỊNH THỊ XÃ, THÀNH PHỐ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH
GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định số: **1659/QĐ-UBND** ngày **15/8/2022**
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

TT	Nội dung	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn thực hiện	Đơn vị xác nhận tiêu chí
1	Có 100% số xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025)	Các sở, ban, ngành tỉnh được phân công phụ trách các tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Các sở, ban, ngành tỉnh được phân công phụ trách tại Phụ lục I, Quyết định này
2	Có ít nhất 01 xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025	Các sở, ban, ngành tỉnh được phân công phụ trách các tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Các sở, ban, ngành tỉnh được phân công phụ trách tại Phụ lục II, Quyết định này
3	Có 100% số phường trên địa bàn đạt chuẩn đô thị văn minh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
4	Tỷ lệ hài lòng của người dân trên địa bàn đối với kết quả xây dựng nông thôn mới của thị xã, thành phố đạt từ 90% trở lên (trong đó có tỷ lệ hài lòng của người dân ở từng xã đối với kết quả thực hiện từng nội dung xây dựng nông thôn mới đạt từ 80% trở lên)	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	UBND các huyện; các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh
5	Đặt cây xanh sử dụng công cộng trong đô thị trên địa	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành tỉnh	Sở Xây dựng

TT	Nội dung	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn thực hiện	Đơn vị xác nhận tiêu chí
	bản tối thiểu là 5m ² /người		và địa phương có liên quan	

Phụ lục VI

**PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CÁC SỞ, BAN, NGÀNH TỈNH
PHỤ TRÁCH HƯỚNG DẪN, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ
HUYỆN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH TRÀ VINH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

(Kèm theo Quyết định số: **1659** /QĐ-UBND ngày **15** /8/2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn thực hiện	Đơn vị xác nhận tiêu chí
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch xây dựng chi tiết khu chức năng dịch vụ hỗ trợ sản xuất trên địa bàn	Đạt	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Xây dựng
		1.2. Công trình hạ tầng kỹ thuật hoặc hạ tầng xã hội được đầu tư xây dựng đạt mức yêu cầu theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt	Đạt			
2	Giao thông	2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối liên xã, liên vùng và giữa các vùng nguyên liệu tập trung, phù hợp với quá trình đô thị hóa	Đạt	Sở Giao thông vận tải	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Giao thông vận tải
		2.2. Tỷ lệ km đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, có các hạng mục cần thiết về an toàn giao thông theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, lan can phòng hộ,...), được trồng cây xanh, được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	100%			
		2.3. Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại III trở lên	Đạt			
3	Thủy lợi và phòng, chống	3.1. Các công trình thủy lợi do huyện quản lý được bảo trì, nâng cấp, đảm bảo tích hợp hệ thống cơ sở dữ liệu	Đạt	Sở Nông nghiệp và	Các sở, ban, ngành tỉnh và	Sở Nông nghiệp và

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn thực hiện	Đơn vị xác nhận tiêu chí
	thiên tai	theo chuyển đổi số		PTNT	địa phương có liên quan	PTNT
		3.2. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các vi phạm và nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi trên địa bàn huyện	Đạt			
		3.3. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Khá			
4	Điện	Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, cấp điện tin cậy, ổn định, an toàn hành lang lưới điện và mỹ quan	Đạt	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Công Thương
5	Y tế - Văn hóa - Giáo dục	5.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥95%	Sở Y tế	- Bảo hiểm xã hội tỉnh; - Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Y tế
		5.2. Có công viên hoặc quảng trường được lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao	Đạt	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
		5.3. Các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc được kế thừa và phát huy hiệu quả; các di sản văn hóa trên địa bàn được kiểm kê, ghi danh, truyền dạy, xếp hạng, tu bổ, tôn tạo, bảo vệ và	Đạt			

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn thực hiện	Đơn vị xác nhận tiêu chí
		phát huy giá trị hiệu quả				
		5.4. Có 100% số trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, trong đó có ít nhất 01 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2	Đạt	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Giáo dục và Đào tạo
		5.5. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Cấp độ 2	- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội - Sở Giáo dục và Đào tạo		- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội - Sở Giáo dục và Đào tạo
6	Kinh tế	6.1. Có khu công nghiệp được lấp đầy từ 50% trở lên hoặc có cụm công nghiệp được đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật và được lấp đầy từ 50% trở lên hoặc có cụm ngành nghề nông thôn được đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ	Đạt	Sở Công Thương	- Sở Nông nghiệp và PTNT - Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Công Thương
		6.2. Vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của huyện được đầu tư đồng bộ về cơ sở hạ tầng, được cấp mã vùng và có ứng dụng quy trình kỹ thuật tiên tiến	Đạt	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Nông nghiệp và PTNT

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn thực hiện	Đơn vị xác nhận tiêu chí
		6.3. Có chợ đạt tiêu chuẩn chợ hạng 2 hoặc trung tâm thương mại đạt chuẩn theo quy định	Đạt	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Công Thương
		6.4. Có Đề án/Kế hoạch hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn đối với sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP và được triển khai hiệu quả	Đạt	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Nông nghiệp và PTNT
		6.5. Hình ảnh điểm du lịch của huyện được quảng bá thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội	Đạt	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
7	Môi trường	7.1. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom và xử lý theo quy định	$\geq 95\%$	Sở Tài nguyên và Môi trường	- Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Y tế - Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Tài nguyên và Môi trường
		7.2. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%			
		7.3. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng, tái chế thành các nguyên liệu, nhiên liệu và sản phẩm	$\geq 80\%$	Sở Nông nghiệp và PTNT	- Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Nông nghiệp và PTNT

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn thực hiện	Đơn vị xác nhận tiêu chí
		thân thiện với môi trường			- Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	
		7.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	$\geq 70\%$	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Tài nguyên và Môi trường
		7.5. Tỷ lệ nước thải sinh hoạt trên địa bàn toàn huyện được thu gom, xử lý bằng các biện pháp, công trình phù hợp	$\geq 50\%$			
		7.6. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 4m^2/\text{người}$	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Nông nghiệp và PTNT
		7.7. Không có làng nghề ô nhiễm môi trường trên địa bàn huyện	Đạt	Sở Tài nguyên và Môi trường	- Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Tài nguyên và Môi trường
		7.8. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	$\geq 85\%$		- Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	
8	Chất lượng môi trường	8.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	$\geq 60\%$	Sở Nông nghiệp và	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa	Sở Nông nghiệp và

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn thực hiện	Đơn vị xác nhận tiêu chí
	sống	8.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm	≥ 80 lít	PTNT	phương có liên quan	PTNT
		8.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung trên địa bàn huyện có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	$\geq 60\%$			
		8.4. Có mô hình xử lý nước mặt (ao, hồ) bảo đảm quy định về bảo vệ môi trường	≥ 01 mô hình	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Tài nguyên và Môi trường
		8.5. Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt			
		8.6. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	Sở Y tế	- Sở Nông nghiệp và PTNT - Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Y tế
		8.7. Tỷ lệ cán bộ làm công tác quản lý chất lượng an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản do huyện quản lý hàng năm được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	100%	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Nông nghiệp và PTNT
		8.8. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của huyện	Không	Sở Y tế	- Sở Nông nghiệp và PTNT - Các sở, ban,	Sở Y tế

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách chủ trì hướng dẫn thực hiện	Đơn vị phối hợp, hướng dẫn thực hiện	Đơn vị xác nhận tiêu chí
					ngành tỉnh và địa phương có liên quan	
		8.9. Có mô hình xã, ấp thông minh	≥ 01 mô hình	Sở Nông nghiệp và PTNT	- Sở Thông tin và Truyền thông - Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Sở Nông nghiệp và PTNT
9	An ninh, trật tự - Hành chính công	9.1. An ninh, trật tự trên địa bàn huyện được giữ vững ổn định và nâng cao	Đạt	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Công an tỉnh
		9.2. Có dịch vụ công trực tuyến	Mức độ 4	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	- Sở Thông tin và Truyền thông - Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh